

Số: 15 /2018/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và định mức hỗ trợ chi phí chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Điều 9 Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

Thực hiện Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Xét Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 61/BC-HĐND-KTNS ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định nội dung và định mức hỗ trợ chi phí chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước như sau:

1. Đối tượng áp dụng: Các dự án nhóm C quy mô nhỏ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Phạm vi điều chỉnh: Trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3. Nội dung hỗ trợ

a) Chuẩn bị đầu tư: Hỗ trợ thực hiện các công việc lập, thẩm định hồ sơ xây dựng công trình;



b) Quản lý thực hiện dự án: Hỗ trợ thực hiện các công việc quản lý dự án, lựa chọn nhà thầu, giám sát thi công và nghiệm thu công trình.

4. Mức hỗ trợ

a) Chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình áp dụng theo hướng dẫn chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật quy định tại điểm 3 Mục II Phần II Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng. Chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình tối thiểu là 5 triệu đồng.

Đối với dự án sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình thì chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình với hệ số điều chỉnh $K=0,36$;

b) Chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng công trình: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở với hệ số điều chỉnh $K=0,5$;

c) Chi phí quản lý dự án (gồm cả chi phí lập dự thảo hợp đồng; chi phí xem xét, đánh giá lựa chọn nhà thầu, đàm phán và ký kết hợp đồng; chuẩn bị hồ sơ thanh toán, quyết toán,...): Tính theo hướng dẫn tại Mục I Phần I Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố định mức chi phí quản lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng với hệ số điều chỉnh $K=0,5$;

d) Chi phí giám sát thi công và nghiệm thu công trình: Tính theo hướng dẫn tại Mục IX Phần II Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố định mức chi phí quản lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng với hệ số điều chỉnh $K=0,5$.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng QH, Văn phòng CP;
- Các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Xây dựng; Lao động, Thương binh và Xã hội; Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *th*



Trần Tuệ Hiền